TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **300**/2025/DS-ST
Ngày 04-9-2025
V/v: "Kiện đòi tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Nguyên Lương** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc *"Kiện đòi tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H – sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Phan Q – sinh năm 1995 và bà Dương Thị Ngọc T – sinh năm 1998; Địa chỉ liên hệ: Số E đường M, phường H, TP Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 30.6.2025 tại Văn phòng C). Ông Q vắng mặt, bà T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1 – sinh năm 1976; Địa chỉ: Số F đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn H – đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thị Ngọc T trình bày:**

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - ông Nguyễn H: "Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 78.730.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 19/01/2022".

Ông Nguyễn H là chủ cơ sở bán cám, bột nuôi cá tại Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là Thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng). Theo đó, ngày 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021, ông H có bán cám, bột nuôi cá cho ông Nguyễn Thanh T1 (Tên gọi khác là Nguyễn Thanh M) để chăn nuôi cá với tổng giá trị là 145.630.000 đồng. Việc mua bán, hai bên có lập Sổ công nợ ghi từng lần giao cám, bột nuôi cá, số tiền xuất bán cá và ông T1 cũng có ký nhận nợ từng lần trong suốt quá trình mua bán theo Sổ công nợ được ông Nguyễn H lập ghi nhận việc mua bán bột cá, trừ nợ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021 và Bản chính Giấy cam kết ngày 16/7/2021 là tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp quy định khoản 1 Điều 94, Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Như vậy, giao dịch mua bán cám bột được ông Nguyễn H và ông Nguyễn Thanh T1 xác lập theo và Sổ công nợ được ông Nguyễn H lập ghi nhận việc mua bán bột cá, trừ nợ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021 và Giấy cam kết ngày 16/7/2021 hoàn toàn phù hợp quy định Điều 117, Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Sổ công nợ được ông Nguyễn H lập ghi nhận việc mua bán bột cá, trừ nợ từ ngày 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021 ghi nhận: Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021, ông H có bán cám, bột nuôi cá cho ông T1 với tổng giá trị nợ còn lại là 145.630.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến thời điểm ông T1 xuất bán cá thì ông T1 sẽ thanh toán đủ cho ông H. Nội dung này cũng được ông H và ông T1 thỏa thuận tại Giấy cam kết ngày 16/7/2021. Tuy nhiên đến ngày 18/01/2022, ông T1 đã bán xuất bán toàn bộ cá nuôi nhưng ông T1 chỉ trả cho ông H được 41.900.000 đồng. Sau đó, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T1 thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ cho ông H nhưng ông T1 không thực hiện. Đến ngày 25/12/2022 trả thêm được 10.000.000 đồng, ngày 26/01/2024 trả thêm được 10.000.000 đồng, ngày 24/01/2025 trả thêm được 5.000.000 đồng. Số tiền nợ ông T1 còn nợ ông H đến ngày 24/01/2025 là 78.730.000 đồng.

Căn cứ Điều 280 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể:

"Điều 280. Thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản…".

Theo đó, ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán số tiền 78.730.000 đồng tại thời điểm xuất cá vào ngày 18/01/2022.

Căn cứ khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả tiền như sau: *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*. Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."*.

Theo đó, trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo thời gian chậm trả và mức lãi suất theo quy định nêu trên. Sau khi khởi kiện tại Tòa án, ngày 01/7/2025, ông T1 có liên hệ và trả cho ông H thêm 10.000.000 đồng. Hiện tổng tiền nợ gốc ông T1 nợ ông H còn lại là 68.730.000 đồng. Vì vậy, ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông H tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền gốc 78.730.000 đồng là:

- Tiền lãi trả chậm của số tiền tiền gốc 78.730.000 đồng tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 30/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là: 78.730.000 đồng × 3.45 năm (tương ứng là 1.259 ngày) × 10%/năm = 27.156.457 đồng;

- Tiền lãi do chậm trả của tiền nợ gốc 68.730.000 đồng tạm tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày 04/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm là: 68.730.000 đồng × 0.18 năm (tương ứng 65 ngày) × 10%/năm = 1.223.958 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

2. Về quá trình tham gia tố tụng của Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T1.

Trong quá trình khởi kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Văn bản tố tụng của Tòa án về việc Nguyên đơn khởi kiện đòi tiền. Tuy nhiên, suốt quá trình tố tụng, ông T1 không phản đối đối với các tình tiết sự kiện, tài liệu, văn bản thể hiện số tiền nợ mà Nguyên đơn giao nộp, yêu cầu. Hơn nữa, sau khi nhận được thông báo của Tòa án thì ông T1 đã liên hệ lại và trả cho ông H 10.000.000 đồng. Việc ông T1 trả lại tiền cho ông H tức là đã thừa nhận khoản nợ giữa ông T1 với ông H.

Vì vậy, tình tiết, sự kiện, văn bản, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn trình bày, giao nộp đã được ông T1 thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và trình bày nêu trên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn H, căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn H;

- Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn H tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là: 97.110.416 đồng (Chín mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn, bốn trăm mười sau đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc: 68.730.000 đồng;

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền gốc 78.730.000 đồng tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 30/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm (quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015) là: 78.730.000 đồng × 3.45 năm (tương ứng là 1.259 ngày) × 10%/năm = 27.156.457 đồng.

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền gốc 68.730.000 đồng tạm tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày 04/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm (quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015) là: 68.730.000 đồng × 0.18 năm (tương ứng 65 ngày) × 10%/năm = 1.223.958 đồng.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn H tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là: 97.110.416 đồng (Chín mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn, bốn trăm mười sau đồng). Trong đó: Tiền gốc: 68.730.000 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 28.380.416 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về việc kiện đòi tiền giữa nguyên đơn là ông Nguyễn H với bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1; trú tại: Số F H, phường H, thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H đối với ông Nguyễn Thanh Thôi T2 thấy:

[2.1] Nguyên đơn là ông Nguyễn H cho rằng ngày từ 31/01/2019 đến ngày 16/11/2021 ông H có bán cám, bột nuôi cá cho ông Nguyễn Thanh T1 (Tên gọi khác là Nguyễn Thanh M). Trên cơ sở đó, vào ngày 16/7/2021, ông Nguyễn H ký thỏa thuận về việc cung cấp cám cá cho hộ nuôi lồng bè là ông Nguyễn Thanh T1, các bên thỏa thuận thực hiện thanh toán tiền cám cá trong thời hạn 300 ngày hoặc kể từ ngày xuất bán cá. Ông Nguyễn H đã thực hiện cung cấp cám cá theo cam kết đúng cam kết. Đến ngày 18/01/2022 ông Nguyễn Thanh T1 xuất bán cá và xác định tổng số tiền cám cá là 145.630.000 đồng. Đến ngày 26/01/2024, ông Nguyễn Thanh T1 còn nợ số tiền 83.730.000 đồng và có ký xác nhận nợ. Sau đó, ông Nguyễn Thanh T1 tiếp tục trả số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 24/01/2025 và trả 10.000.000 đồng vào ngày 30/6/2025 nên còn nợ lại số tiền là 68.730.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Nguyễn H đã cung cấp chứng cứ là "Giấy cam kết" ngày 16/7/2021 có nội dung thể hiện việc thỏa thuận cung cấp cám cá cho hộ nuôi lồng bè giữa ông Nguyễn H và ông Nguyễn Thanh T1; Sổ công nợ thể hiện số tiền nợ và quá trình trả nợ của ông Nguyễn Thanh T1 đối với ông Nguyễn H.

HĐXX xét thấy, thỏa thuận giữa các bên là giao dịch dân sự có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc các bên tham gia ký kết. Ông Nguyễn Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Nguyễn H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T1 thanh toán số tiền 68.730.000 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng) là có cơ sở phù hợp nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu lãi suất chậm thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, HĐXX xét thấy: Tại "Giấy cam kết" ngày 16/7/2021 các bên thỏa thuận ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả tiền cám cá trong thời hạn 300 ngày hoặc kể từ ngày xuất bán cá. Ngày 18/01/2022 ông Nguyễn Thanh T1 xuất bán cá và thực hiện thanh toán đợt đầu tiên với số tiền 41.900.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày 30/6/2025 đối với số tiền chậm thanh toán là 78.730.000 đồng; ngày 01/7/2025, ông Nguyễn Thanh T1 trả số tiền 10.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 02/7/2025 đến ngày 04/9/2025 đối với số tiền chậm thanh toán là 68.730.000 đồng. Tiền lãi được xác định cụ thể như sau:

- Tiền lãi trả chậm của số tiền tiền gốc 78.730.000 đồng tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 30/6/2025 (Tương ứng là 1.259 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 78.730.000 đồng × 1.259 ngày × 10%/năm = 27.156.457 đồng;

- Tiền lãi do chậm trả của tiền nợ gốc 68.730.000 đồng tạm tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày 04/9/2025 (Tương ứng 65 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là: 68.730.000 đồng × 65 ngày × 10%/năm = 1.223.958 đồng;

Tổng số tiền lãi ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán là: 28.380.415 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán là: 68.730.000 đồng + 28.380.415 đồng = 97.110.415 đồng.

[2.3] Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ ông Nguyễn Thanh T1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Nguyễn Thanh T1 nợ ông Nguyễn H là có cơ sở.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán 97.110.415 đồng x 5% = 4.855.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H đối với ông Nguyễn Thanh T1 về việc *"Kiện đòi tiền"*.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn H tổng số tiền là 97.110.415 đồng (Chín mươi bảy triệu một trăm mười ngàn bốn trăm mười lăm

đồng). Trong đó: Tiền gốc: 68.730.000 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 28.380.415 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.855.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

2. Hoàn trả cho ông Nguyễn H số tiền tạm ứng án phí 1à 2.616.964 đồng (Hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn chín trăm sáu mươi tư đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0005605 ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trong đó: Thanh toán phí trễ hạn: 1,607,042đồng, lãi 25,332,088đồng, phí vượt hạn mức 550,000đồng, phí 2,633,000đồng, DƯ NỢ GỐC ngày 30/06/2021 là 19,922,268đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của N hàngy